



QUANGNAM



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN 2016**
annual report

www.qnr.vn

I. Thông tin chung.....	4
II. Tình hình hoạt động trong năm	11
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc	21
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.....	25
V. Quản trị công ty	28
VI. Báo cáo tài chính.....	33



I. Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Kính thưa quý cổ đông và nhà đầu tư tiềm năng!

Năm 2016 Công ty tiếp tục mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, dù tình hình kinh tế trong nước và thế giới còn nhiều khó khăn nhưng kết quả cả năm 2016, Tổng doanh thu hơn 1.221 tỷ đồng đạt 174% so với kế hoạch đặt ra, bằng 167% so với con số của năm 2015. Đó là thành quả đáng tự hào, là phần thưởng xứng đáng cho những nỗ lực không biết mệt mỏi của toàn thể ban lãnh đạo, cán bộ, công nhân viên của Công ty.

Công ty tiếp tục thực hiện chuyển nhượng các Dự án lớn như dự án cao ốc tại 09 Lê Duẩn, 02 Yên Bái, Tp.Đà Nẵng đem lại nguồn lợi lớn cho công ty.

Trong giai đoạn tiếp theo, bám sát chiến lược phát triển của ĐHCĐ Cao su Quảng Nam 2015 và 2016, cùng với quá trình chuẩn bị vùng nguyên liệu đã được hoạch định và thực hiện từ nhiều năm qua, Công ty cổ phần đầu tư Cao su Quảng Nam xác định hướng đi chính vẫn là sản xuất các sản phẩm từ cao su thiên nhiên. Không chỉ dừng lại ở việc cung cấp sản phẩm thô, Công ty sẽ tập trung nghiên cứu và phát triển, chế biến sâu các sản phẩm cao su, hướng tới việc xây dựng một chu trình sản xuất với chuỗi cung ứng khép kín, bền vững, mang lại nguồn thu nhập ổn định và lâu dài cho Cao su Quảng Nam. Bên cạnh đó, Cao su Quảng Nam vẫn sẽ tiếp tục duy trì các hoạt động kinh doanh các sản phẩm truyền thống như composite, khai thác và chế biến vật liệu xây dựng, thương mại các sản phẩm phân bón với số lượng lớn cũng như xây dựng hạ tầng, đáp ứng đòi hỏi nhu cầu ngày càng cao của thị trường và mang lại nguồn thu không nhỏ cho Công ty.


Nhìn lại chặng đường đầy khó khăn đã vượt qua, cá nhân tôi và tập thể Cao su Quảng Nam cảm nhận sâu sắc giá trị của sự chỉ đạo sâu sát, sự giúp đỡ, tạo điều kiện thuận lợi trong công việc của lãnh đạo Tỉnh ủy, các Sở ban ngành tỉnh Quảng Nam. Biết ơn sự quan tâm, hỗ trợ thường xuyên của các cổ đông, đặc biệt là cổ đông lớn, đã tin tưởng, chia sẻ kinh nghiệm, thông tin, giúp đỡ Cao su Quảng Nam để điều hành linh hoạt, thực hiện chiến lược thành công, phù hợp với sự mong đợi của các nhà đầu tư và quý khách hàng.

Ban lãnh đạo và toàn thể tập thể Cao su Quảng Nam xin được hướng tới năm 2017 và nhiệm kỳ 2017 – 2019 bằng một lời hứa thành công – một niềm tin thắng lợi!



II. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

Tên Công ty:	CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM
Tên tiếng Anh:	QUANG NAM RUBBER INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt:	QUANG NAM RUBBER INVESTMENT JSC
Trụ sở chính:	Thôn Phú Sơn, Xã Ba, Huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam
Điện thoại:	84.510.3946 345
Fax:	84.510.3946 333
Website:	www.qnr.vn
Logo Công ty:	 QUANGNAM

Giấy chứng nhận ĐKK Số 4000386181 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp, đăng ký lần đầu ngày 14/07/2003; đăng ký thay đổi lần 15 ngày 25/11/2015.

Vốn điều lệ đăng ký: 1.500.000.000.000 đồng (Một nghìn năm trăm tỷ đồng)

Vốn điều lệ thực góp: 1.500.000.000.000 đồng (Một nghìn năm trăm tỷ đồng)

Mã cổ phiếu: VHG

2. Quá trình hình thành và phát triển

2.1. Quá trình hình thành và phát triển

- Năm 2003: Ngày 14/07/2003 Công ty cổ phần Đầu tư & Sản xuất Việt-Hàn (VHG) được thành lập.
- Năm 2004: Sản phẩm cáp đồng với thương hiệu VIET-HAN CABLE
- Năm 2005: Tháng 09/2005, xuất lô hàng cáp viễn thông đầu tiên
- Năm 2006: Sản xuất cáp viễn thông có dung lượng 2.400 đôi, trở thành nhà sản xuất cáp có dung lượng lớn nhất Việt Nam
- Năm 2007:
 - + Nhà máy cáp viễn thông đạt công suất 3.000.000 km đôi/năm
 - + Khánh thành giai đoạn 1 nhà máy dây và cáp điện (VPC)
 - + Khánh thành nhà máy cáp quang (OFC)
 - + Mua lại CTCP nhựa Việt-Hàn, đầu tư NM sản xuất các sản phẩm từ cốt sợi thủy tinh.

- + Indochina Capital thành nhà đầu tư chiến lược và Vinacapital là cổ đông lớn của VHG
- + PhonVinh Corp và Handic hợp tác toàn diện với VHG
- + VNR-Top 500 Company xếp VHG nằm trong Top 500 DNTN lớn nhất Việt Nam
- **Năm 2008**
 - + Tháng 01/2008: 28/01, cổ phiếu VHG thức giao dịch trên sàn HOSE
 - + Tháng 03/2008: Khánh thành nhà máy sản xuất sản phẩm từ cốt sợi thủy tinh FRP
 - + Tháng 04/2008: Đầu tư nhà máy công nghệ vật liệu tại Quảng Nam (VMC)
 - + Tháng 05/2008: Hoàn tất dự án đầu tư giai đoạn 2 cho Nhà máy VPC và VPF
 - + Tháng 11/2008: Triển khai dự án trồng 4.115 ha cao su tại Quảng Nam
 - + Tháng 12/2008: Sở hữu đất dự án cao ốc tại 09 Lê Duẩn, 02 Yên Bái, Tp.Đà Nẵng
 - + VNR-Top 500 Company tiếp tục xếp VHG trong Top 500 DNTN lớn nhất Việt Nam
- **Năm 2009**
 - + Tháng 05/2009: Khánh thành nhà máy sản xuất vật liệu (VMC) công suất 80 triệu SP/năm
 - + Tháng 10/2009: UBND Tp Đà Nẵng quyết định phê duyệt QH 1:500 cho dự án D'everlyn tower.
 - + Tháng 11/2009: Sản xuất thành công sản phẩm FRP có đường kính trên 4m, dung tích 150m³
- **Năm 2010**
 - + Tháng 02/2010: Thay đổi chiến lược phát triển của VHG một cách cơ bản, theo đó thống nhất xây dựng VHG phát triển xoay quanh trục ngành nghề với thứ tự ưu tiên là Bất động sản, hạ tầng công nghiệp dịch vụ - Trồng và chế biến cao su - Sản xuất vật liệu XD cơ bản - Đầu tư khai thác chế biến kim loại màu..
 - + Tháng 06/2010: Nghiên cứu mở rộng thêm 9.000 ha trồng cây cao su tại tỉnh Quảng Nam
 - + Tháng 09/2010: Triển khai các hạng mục thí nghiệm để hoàn chỉnh TKKTTC và chuẩn bị cho việc khởi công cao ốc D'everlyn tại 09 Lê Duẩn Tp Đà Nẵng
 - + Tháng 11/2010: chia tách nhà máy nhựa và sản xuất các sản phẩm từ cốt sợi thủy tinh (VPF) thành hai nhà máy (1) Nhà máy vật liệu Composit VCC (2) Nhà máy ống nhựa VPP; nhằm tập trung cho sự phát triển chiều sâu của 2 dòng sản phẩm này.
 - + Tháng 12/2010: Đầu tư vào dự án bất động sản nghỉ dưỡng khu vực biển Non nước (Đà Nẵng - Quảng Nam) với quy mô 5,3 ha
- **Năm 2011**
 - + Tháng 1/2011: Hoàn thành đầu tư nâng cấp mở rộng nhà máy composite.
 - + Tháng 07/2011: VHG được cấp phép đầu tư mở rộng dự án trồng và chế biến cao su tại Đông Giang tỉnh Quảng Nam từ 4.115 ha lên 13.300 ha.
 - + Tháng 08/2011: Công ty Quê Việt Quảng Nam – Công ty con của VHG được cấp phép đầu tư khu nghỉ dưỡng biển cao cấp tại khu vực Non Nước – Hội An trên diện tích 5,3 ha.

- **Năm 2012:** Tháng 06/2012: Thành viên Hiệp hội cao su Việt Nam
- **Năm 2013:**
 - + Phát triển và mở rộng diện tích trồng cây cao su đạt 13.303 ha
 - + Thực hiện tái cơ cấu toàn bộ hoạt động của Công ty, tăng vốn điều lệ lên 375 tỷ đồng.
 - + Thành lập các Công ty con về khai thác khoáng sản và xây dựng hạ tầng, chế biến sản phẩm cao su
- **Năm 2014:**
 - + Quy hoạch lại các diện tích cao su tiểu điền và cao su nông trường quy mô lớn; triển khai các hoạt động hỗ trợ định hướng phát triển công nghiệp chế biến sâu cao su.
 - + Tháng 09/2014, Công ty tái cấu trúc đổi tên thành **Công ty cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam**, nâng vốn điều lệ lên 750 tỷ đồng. Nguồn vốn huy động được tập trung triển khai các dự án: trồng và khai thác 13.300 ha diện tích cao su tại tỉnh Quảng Nam; dự án khu nghỉ dưỡng khu vực biển Non Nước (Đà Nẵng - Quảng Nam) với quy mô 5,3 ha; dự án cao ốc tại 09 Lê Duẩn, 02 Yên Bái, Tp.Đà Nẵng...
- **Năm 2015:**
 - + Thực hiện chuyển nhượng các Dự án lớn như dự án khu nghỉ dưỡng khu vực biển Non Nước (Đà Nẵng - Quảng Nam) với quy mô 5,3 ha; dự án cao ốc tại 09 Lê Duẩn, 02 Yên Bái, Tp.Đà Nẵng đem lại nguồn lợi lớn cho công ty .
 - + Tháng 8/2015, Công ty thực hiện thành công việc phát hành cổ phiếu nâng vốn điều lệ lên 1.500 tỷ đồng. Nguồn vốn huy động được tập trung triển khai các dự án: trồng và khai thác 13.300 ha diện tích cao su tại tỉnh Quảng Nam; đầu tư góp vốn liên kết vào các công ty cùng ngành, bổ sung nguồn vốn lưu động cho Công ty...
- **Năm 2016:**
 - + Tiếp tục thanh lý dự án cao ốc tại 09 Lê Duẩn, 02 Yên Bái, Tp.Đà Nẵng, mở rộng hoạt động thương mại trong lĩnh vực phân bón với số lượng lớn đem lại nguồn lợi cho công ty
 - + Trong năm, Công ty tiếp tục tập trung triển khai các dự án: trồng và khai thác 13.300 ha diện tích cao su tại tỉnh Quảng Nam; đầu tư góp vốn liên kết vào các công ty cùng ngành, bổ sung nguồn vốn lưu động cho Công ty...

2.2. Ngành nghề kinh doanh và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh

- + Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học;
- + Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại;
- + Sản xuất, truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: thủy điện, sản xuất điện khác (điện phong...));
- + Sản xuất sản phẩm từ plastic (Chi tiết: sản xuất ống nhựa cứng, các sản phẩm nhựa PVC, composite và các sản phẩm);

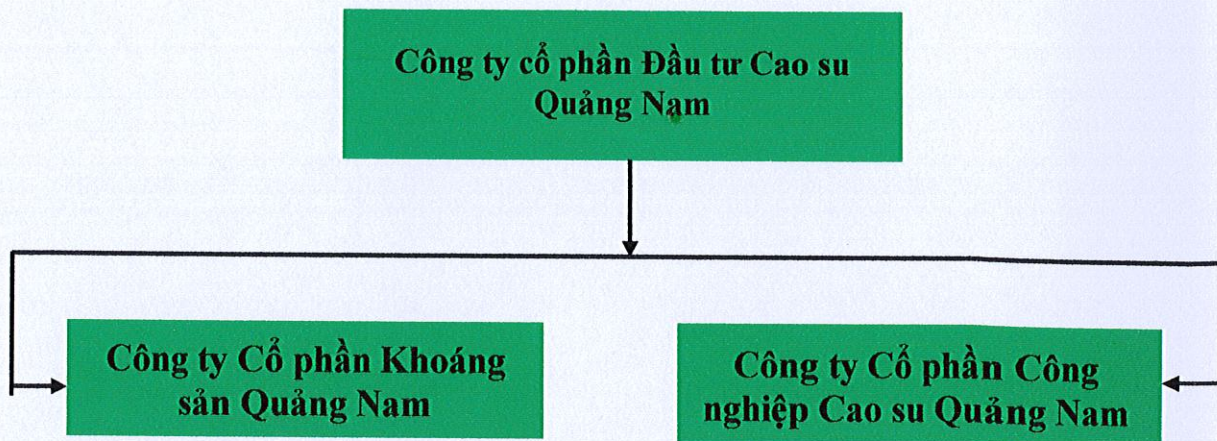
- + Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, kỹ thuật;
- + Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- + Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- + Trồng cây cao su;
- + Khai thác gỗ;
- + Khai thác quặng đồng;
- + Khai thác quặng sắt;
- + Sản xuất linh kiện điện tử (Chi tiết: sản xuất các thiết bị điện thoại);
- + Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh;
- + Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (Chi tiết: bán buôn các thiết bị viễn thông, thiết bị điện tử điều khiển, thiết bị phát sóng, linh kiện điện thoại);
- + Trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ;
- + Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác;
- + Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- + Sản xuất sản phẩm khác từ plastic;
- + Sản xuất bột giấy, giấy và bìa;
- + Sản xuất sản phẩm chịu lửa;
- + Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác;
- + Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- + Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- + Sản xuất cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;
- + Sản xuất kim loại màu và kim loại quý;
- + Bán buôn thiết bị điện lạnh, điện cơ;
- + Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ;
- + Bán buôn giấy các loại;
- + Hoạt động viễn thông có dây;
- + Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- + Hoạt động viễn thông không dây;
- + Tìm kiếm, thăm dò, khai thác khoáng sản (trừ khoáng sản cấm).
- Sản phẩm/dịch vụ chính:
 - + Trồng cây cao su;
 - + Sản xuất cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;
 - + Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, kỹ thuật;
 - + Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
 - + Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;

Địa bàn kinh doanh: Trong và ngoài nước.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

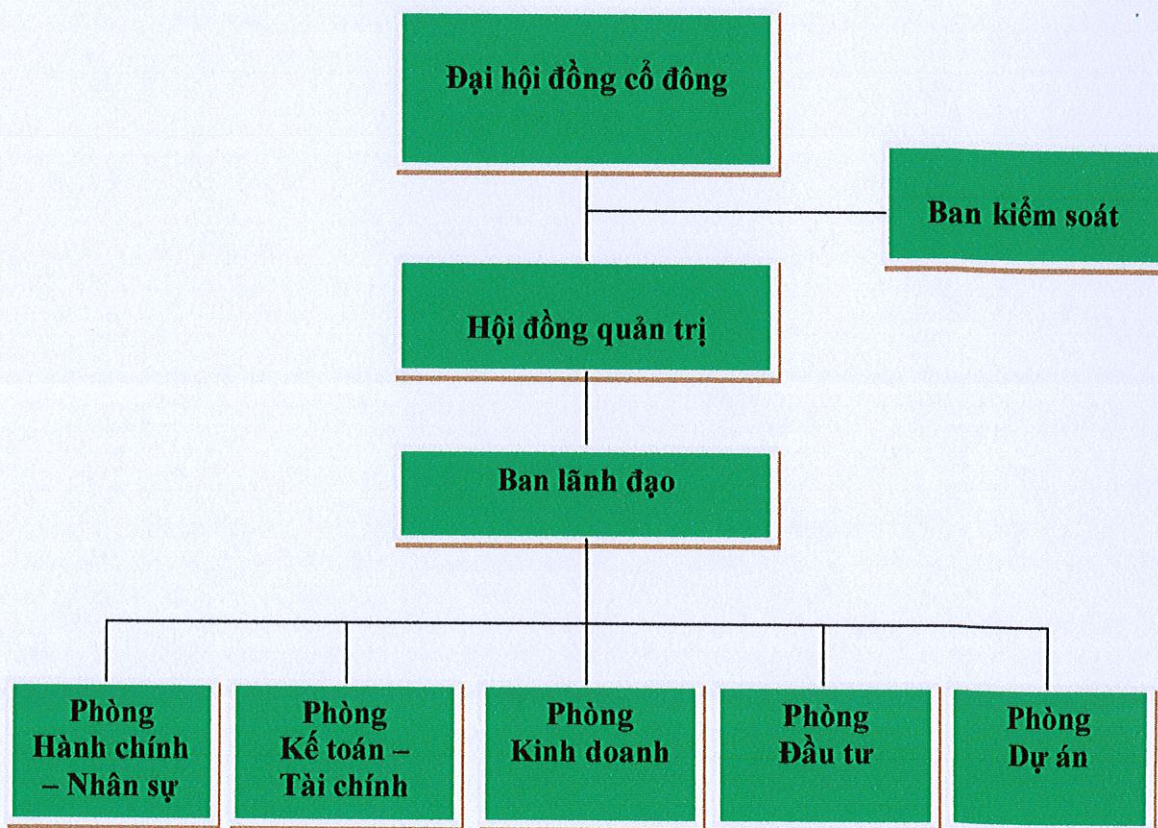
3.1. Mô hình hoạt động, tổ chức của Công ty

Sơ đồ tổ chức của Công ty



3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty



3.3. Các công ty con, liên kết

3.3.1 Công ty con:

Công ty cổ phần Khoáng sản Quảng Nam

- Địa chỉ: Khu B Lô 4, Khu Công nghiệp Điện Nam – Điện Ngọc, Quảng Nam
- Vốn điều lệ: 660.000.000.000 VNĐ
- Tỷ lệ nắm giữ của Cao su Quảng Nam: 96.91%

Công ty cổ phần Công nghiệp Cao su Quảng Nam

- Địa chỉ: Thôn Phú Sơn, Xã Ba, Huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam
- Vốn điều lệ: 300.000.000.000
- Tỷ lệ nắm giữ của Cao su Quảng Nam: 98.04%

3.3.2 Công ty liên kết:

Công ty cổ phần Phát triển Bất Động Sản Tây Hồ Tây

- Địa chỉ: Số 125 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội.
- Vốn điều lệ: 320.000.000.000 (Ba trăm hai mươi tỷ đồng chẵn)
- Tỷ lệ nắm giữ của Cao su Quảng Nam: 43.81%

4. Định hướng phát triển:

- Tiếp tục mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, tận dụng tối đa nguồn lực, gia tăng doanh thu trong các lĩnh vực thương mại như: phân bón, cấp quang, nông sản...
- Chú trọng phát triển diện tích cao su trên địa bàn Đông Giang bằng việc chăm sóc và trồng mới trên diện tích 13.000 ha, tiến hành khai thác mù trên những diện tích cao su đã đến kỳ thu hoạch, đánh giá chất lượng mù thu được và đưa ra định hướng phát triển lâu dài cây cao su.
- Công ty đã và đang đầu tư vào một số Công ty liên kết trong lĩnh vực khoáng sản, đi vào khai thác các mỏ hiện có bên cạnh đó tiếp tục tìm kiếm và đầu tư vào các mỏ cát, đá, quặng tạo nguồn doanh thu cho Công ty.
- Đầu tư vào các dự án bất động sản, dự án nhà ở, căn hộ ở những vị trí đất địa, tin tưởng rằng khi mở bán các dự án này sẽ mang lại nguồn lợi to lớn cho Công ty
- Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý, xây dựng và chuẩn bị nguồn nhân sự hùng mạnh cho chiến lược phát triển lâu dài.
- Tăng cường công tác quản trị nội bộ để gia tăng hiệu quả: tinh giảm nhân sự, kiểm soát chặt chẽ chi phí, xây dựng kế hoạch kinh doanh linh hoạt, sử dụng vốn hiệu quả, giảm thiểu chi phí tài chính và quay vòng vốn hiệu quả hơn.

5. Các rủi ro:

- Tình hình kinh tế trong nước và thế giới diễn biến phức tạp, hoạt động thương mại chiếm vốn lớn nhưng hiệu quả mang lại chưa cao đang là bài toán khó cho Công ty trong việc đưa ra những quyết sách phù hợp.
- Giá cao su giảm sâu trên thị trường trong nước và quốc tế là thách thức to lớn trong việc chăm sóc và trồng mới cây cao su, trong khi chưa đánh giá cụ thể chất lượng mù cây cao su đến thời kỳ thu hoạch.

III. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2016 Công ty tiếp tục mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả cả năm 2016, Tổng Doanh thu, Doanh thu hoạt động tài chính và Thu nhập khác hơn 1.221 tỷ đồng đạt mức 174% kế hoạch đặt ra; bằng 167% so với năm 2015 và lĩnh vực cao su đóng góp chủ yếu vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm 2016.

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Chênh lệch năm 2016 so với năm 2015
1	Tổng tài sản	1,888,097,354,689	1,715,038,693,480	(173,058,661,209)
2	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác	735,347,351,035	1,221,251,089,136	485,903,738,101
3	Lợi nhuận sau thuế	75,574,493,506	(30,223,420,318)	(105,797,913,824)
4	EPS	696	(223)	(919)

Doanh thu Công ty đạt 174% so với kế hoạch 700 tỷ; Lợi nhuận giảm 267% so với kế hoạch 50 tỷ đã đề ra tại Đại hội cổ đông thường niên 2016.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành

▪ Ông Vũ Anh Tuấn – Tổng Giám đốc

Họ và tên: Vũ Anh Tuấn
 Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 08/05/1969
 Nơi sinh: Bách Thuận, Vũ Thư, Thái Bình
 CMND: 151189270, cấp ngày 08/07/2009, tại CA Thái Bình
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Địa chỉ thường trú: 37 Phan Bá Vành, P. Kỳ Bá, Tp Thái Bình, tỉnh Thái Bình
 Điện thoại: 0510 3946 345
 Trình độ văn hóa: 12/12
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Mỏ- Địa chất
 Quá trình công tác:
 1992 - 2000: Công ty Vật tư tổng hợp Thái Bình
 2001 - 2005: Trưởng phòng quản lý dự án tại Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Thái Bình
 2006 - 2013: Phó Giám đốc Công ty CP XNK và giao nhận Toàn Cầu
 2014 -2015: Phó Giám đốc CTCP Công nghiệp Cao Su Quảng Nam
 Chức vụ hiện nay: Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư

Cao su Quảng Nam kiêm Tổng Giám đốc Cổ phần
Đầu tư Cao su Quảng Nam

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức
khác:

Không

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích
Công ty:

Không

Các khoản nợ đối với Công ty:

Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:

100.000 cổ phần (tương ứng 0,07% vốn điều lệ)

Trong đó:

+ *Sở hữu cá nhân:*

100.000 cổ phần (tương ứng 0,07% vốn điều lệ)

+ *Được ủy quyền đại diện:*

0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của
những người liên quan:

Không có

▪ **Ông Lê Khiếu Phương – Kế toán trưởng**

Họ và tên:

Lê Khiếu Phương

Giới tính:

Nam

Ngày tháng năm sinh:

03/04/1977

Nơi sinh:

Nghệ An

CMND:

011893335 do CA Hà Nội cấp ngày 04/04/2013

Quốc tịch:

Việt Nam

Dân tộc:

Kinh

Quê quán:

Hà Tĩnh

Địa chỉ thường trú:

114 Nguyễn Ngọc Nại, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại:

0510 3946 345

Trình độ văn hóa:

12/12

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân kế toán

Quá trình công tác:

- 2000-2001

Kế toán hãng Kodak

- 2002 -2004

Kế toán trạm trộn bê tông – TCT XD Sông Đà

- 2005-2007

Kế toán trưởng Xí nghiệp xây lắp Na Hang

- 2008-2012

Kế toán trưởng BQL KCN Yên Phong II

Chức vụ hiện nay

Kế toán trưởng CTCP Đầu Tư Cao su Quảng Nam

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức
khác:

Không

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích
Công ty:

Không

Các khoản nợ đối với Công ty:

Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 0 cổ phiếu

Trong đó:

+ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu, tương ứng 0% vốn điều lệ

+ Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phiếu, tương ứng 0% vốn điều lệ

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của 0 cổ phiếu

những người liên quan:

2.2. Số lượng cán bộ, nhân viên

Năm 2016, VHG đã liên tục đánh giá lại nguồn nhân lực, sắp xếp và cải tổ lại toàn bộ hệ thống. VHG đã phát triển toàn diện hệ thống ISO 9001:2008 trong tất cả các tổ chức nội bộ, áp dụng quản trị theo công nghệ thông tin hiện đại. Nguồn nhân lực đã thay đổi mạnh trong năm, đa phần lao động đều tâm huyết, gắn bó và chia sẻ những khó khăn chung.

Tại thời điểm 31/12/2016, tổng số lao động của VHG là 30 người, trong đó:

Loại lao động	Số lượng(người)
Phân theo giới tính	30
▪ Nam	27
▪ Nữ	03
Phân theo trình độ học vấn	30
▪ Trình độ đại học và trên đại học	09
▪ Trình độ cao đẳng và trung cấp	10
▪ Đối tượng khác	11

Chính sách đối với người lao động

Công ty áp dụng các luật, quy chế và các thông lệ trong công tác quản lý lao động phù hợp với Luật lao động, đảm bảo các chính sách cơ bản, ký kết hợp đồng lao động, chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ cấp thôi việc, thâm niên... và các chính sách khác theo chế độ dành cho người lao động theo quy định của Nhà nước.

Ban lãnh đạo luôn xác định và định hướng con người luôn là nhân tố quan trọng nhất của công ty trong quá trình phát triển. Chính vì thế chính sách đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Công ty luôn là động lực tạo ra sự gắn kết người lao động và sự phát triển lâu dài và bền vững của công ty.

Hiện tại, Công ty đã xây dựng và hoàn thiện quy trình tuyển dụng và kế hoạch đào tạo nhân sự. Do đó người lao động khi được tuyển dụng vào Công ty nắm bắt và hòa nhập nhanh chóng vào môi trường làm việc. Hơn nữa, lãnh đạo Công ty có chủ trương khuyến khích và tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khóa học nâng cao kiến thức chuyên môn, kỹ năng quản lý. Đồng thời, kinh phí đào tạo cũng được dự trù hàng năm trong tổng chi phí sản xuất kinh doanh của công ty.

Thực hiện đúng và đầy đủ việc trích nộp Bảo hiểm Xã hội & Bảo hiểm Y tế và trợ cấp thôi việc cho người lao động theo chế độ quy định của Luật lao động nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và theo văn bản thỏa ước lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn

- + Nghiên cứu và phát triển lĩnh vực mới cũng như các lĩnh vực hiện có.
 - Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy hoạch, quản lý vườn cây cao su theo quy trình chuẩn. Nghiên cứu các giống cây cao su mới cho năng suất cao và phù hợp với thổ nhưỡng và địa hình của địa phương.
 - Các hoạt động sản xuất cấp, nhựa VHG sẽ chuyển hướng sang hoạt động thương mại, thực hiện các Hợp đồng dự án lớn; Làm mới thị trường đầu ra đẩy mạnh sức bán hàng; Tăng cao năng lực cạnh tranh
 - Năm 2016 Công ty tiếp tục chú trọng vào dự án Trồng cây cao su: do xác lập thủ tục quyền sử dụng đất kéo dài từ chính quyền địa phương nên trong năm vẫn chưa phát triển thêm diện tích đất cho dự án (kế hoạch 2013 sẽ chuyển sang 2014, 2015, 2016 tổng diện tích quy hoạch của dự án là 13.303 ha). Trong năm tập trung đầu tư hạ tầng, chăm sóc và nâng cao chất lượng vườn cây, tiến hành rà soát và đúc kết kinh nghiệm làm cơ sở cho việc triển khai đồng loạt dự án cho các năm sau. Đây là hoạt động chính trong định hướng phát triển mới của Công ty.
 - Năm 2016, Công ty tiếp tục thực hiện quy hoạch lại các diện tích cao su tiểu điền và cao su nông trường quy mô lớn, tiếp tục mở rộng và mua lại các diện tích cao su ở khu vực Quảng Nam Đà Nẵng và Tây Nguyên. Triển khai các hoạt động hỗ trợ định hướng phát triển công nghiệp chế biến sâu cao su, đẩy mạnh công tác phát triển hạ tầng, xây dựng nhà máy chế biến cao su và các dự án công trình phục vụ du lịch tại Đà Nẵng.
- + Dừng, giãn tiến độ, lựa chọn đầu tư có trọng tâm: Do tình hình thị trường có nhiều thay đổi, VHG đã chuyển nhượng dự án số 09 Lê Duẩn Yên Bái mang lại nguồn lợi không nhỏ cho Công ty. Tiếp tục đàm phán thanh lý các hợp đồng hợp tác với Handic, đối tác Hacisco; đồng thời lập thủ tục chuyển trả dự án cụm công nghiệp dịch vụ An Lư (Quảng Nam) thu hồi vốn.
- + Tình hình nhân sự: Công ty đã sắp xếp và tái cấu trúc hợp lý bộ máy tổ chức, thay đổi bổ nhiệm mới nhiều vị trí chủ chốt trong Ban lãnh đạo, tinh giảm nhân sự trong toàn Công ty, tiến tới mục tiêu đảm bảo nguồn nhân lực chất lượng, hoạt động hiệu quả, đồng thời giảm chi phí quản lý doanh nghiệp cho những kỳ tiếp theo; đáp ứng cho mục tiêu phát triển của VHG những năm tới.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết

▪ Công ty con:

- Công ty Cổ phần Khoáng sản Quảng Nam

- + Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4000931126 ngày 30/05/2013 và Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 6 ngày 29/12/2016.
- + Địa chỉ trụ sở chính: Khu B, Lô 4 KCN Điện Nam Điện Ngọc, Tỉnh Quảng Nam.



- + Lĩnh vực kinh doanh: Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt, vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, khai thác quặng sắt, sản xuất vật liệu từ đất sét.
- + Vốn điều lệ: 660 tỷ trong đó Cao su Quảng Nam nắm giữ 96.91%.

– Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Quảng Nam

- + Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4000939100 ngày 30/09/2013 và chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 2 ngày 02/11/2016.
- + Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Phú Sơn, Xã Ba, Huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam
- + Lĩnh vực kinh doanh: Trồng cây cao su, trồng rừng, chăm sóc rừng, khai thác gỗ và lâm sản khác, dịch vụ lâm nghiệp, sản xuất săm lốp cao su và các sản phẩm khác từ cao su.
- + Vốn điều lệ: 300 tỷ đồng trong đó VHG nắm giữ 98,04% vốn điều lệ.

▪ Công ty liên kết:

– Công ty Cổ phần phát triển Bất Động Sản Tây Hồ Tây

- + Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104152631
- + Địa chỉ trụ sở chính: Số 125 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.
- + Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh bất động sản.
- + Vốn điều lệ: 320.000.000.000 (Ba trăm hai mươi tỷ đồng chẵn) trong đó VHG nắm giữ 43,81%.

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
1. Tổng giá trị tài sản	1,888,097	1,715,038	-10.09%
2. Doanh thu thuần	659,671	1,164,490	43.35%
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	85,859	(20,946)	509.91%
4. Lợi nhuận khác	(1,068)	(4,606)	76.91%
5. Lợi nhuận trước thuế	84,790	(25,553)	431.82%
6. Lợi nhuận sau thuế	83,002	(30,223)	374.63%
7. Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (% vốn điều lệ)	-	-	-

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2016 – VHG)

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	7.7	35.33
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	7.55	32.29
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	9.14%	1%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	10.06%	0.62%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho: (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	vòng	52.85	61.13
Vòng quay tổng tài sản: (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	vòng	0.45	0.65
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	11.46%	-2.6%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu BQ	%	5.68%	-1.77%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản BQ	%	5.10%	-1.68%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	13.02%	-1.8%
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	đồng/CP	701	-223

(Nguồn: VHG)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 150.000.000 cổ phần

Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 150.000.000 cổ phần

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

5.2. Cơ cấu cổ đông

Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan: Không có

Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 30/11/2016

STT	Cổ đông	Số lượng (người)	Số cổ phần (cổ phần)	Giá trị theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	6,189	146,811,385	1,468,113,850,000	99.21%
1	Cổ đông tổ chức	32	13,195,304	131,953,040,000	0.52%

STT	Cổ đông	Số lượng (người)	Số cổ phần (cổ phần)	Giá trị theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ (%)
	<i>Trong đó: Nhà nước</i>	0	0	0	0
2	Cổ đông cá nhân	6,157	133,616,081	1,336,160,810,000	99.48%
II	Cổ đông nước ngoài	49	3,188,615	31,886,150,000	0.79%
1	Cổ đông tổ chức	7	2,420,480	24,204,800,000	14.29%
2	Cổ đông cá nhân	42	768,135	7,681,350,000	85.71%
	Tổng cộng	6,238	150,000,000	1,500,000,000,000	100%

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2016, Công ty không có bất kỳ hoạt động thay đổi vốn nào.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Đầu năm 2017 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số: 04/2017/NQ-HĐQT ngày 21/01/2017 Thông qua việc bán toàn bộ cổ phiếu quỹ mà công ty đang nắm giữ, cụ thể từ ngày 01/03/2017 đến ngày 20/03/2017 công ty đã bán hết số lượng cổ phiếu đang nắm giữ là 4.010.230 cổ phiếu với giá bán bình quân là 2.265 đồng với tổng giá trị giao dịch là: 9.085.436.700 đồng.

5.5. Các chứng khoán khác: Không có.

IV. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2016 Công ty tiếp tục đẩy mạnh thực hiện tái cấu trúc toàn diện chiến lược phát triển theo định hướng mới. Đến thời điểm hiện tại, việc tái cấu trúc cơ bản đã hoàn thành và bước đầu đạt được những kết quả tốt, như:

- Tiếp tục bán và thanh lý các tài sản trước đây không tạo ra dòng tiền, không hiệu quả, chuyển hướng đầu tư kinh doanh và tập trung vào các mảng hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi.
- Chuyển biến mạnh mẽ từ việc Công ty không có dòng tiền đến việc thanh khoản rất tốt tại thời điểm hiện tại.
- Tiếp tục tinh giảm bộ máy làm cho chi phí quản lý của Công ty giảm đi đáng kể góp phần không nhỏ vào việc gia tăng lợi nhuận trong năm 2016 .
- Đẩy mạnh và tăng cường công tác thu hồi nợ và áp dụng các biện pháp cứng rắn xử lý dứt điểm các khoản nợ khó đòi. Tăng cường quản trị nội bộ, gia tăng các biện pháp giải pháp tiết kiệm chi phí quản lý.

Kết quả hợp nhất cả năm 2016, Tổng Doanh thu, Doanh thu hoạt động tài chính và Thu nhập khác gần 1221 tỷ đồng đạt mức hơn 174% kế hoạch đặt ra; bằng 168% so với năm 2015.

Có thể nói đó là kết quả không tốt lắm, những con số trên đã thể hiện sự nỗ lực không ngừng nghỉ cán bộ công nhân viên VHG trong việc nhận định thị trường và ra quyết định trong nền kinh tế còn nhiều biến động và tiềm ẩn nhiều nguy cơ.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản

Tổng tài sản năm 2016 là 1.715 tỷ đồng, giảm 10% so với năm 2015. Nguyên nhân là do trong năm công ty đã thu hồi đáng kể các khoản cho vay và mang đi đầu tư vào các cty con và công ty liên kết, các khoản ứng trước cho khách hàng cũng giảm đáng kể, công nợ phải thu giảm lớn so với cùng kỳ năm 2015.

Các khoản nợ xấu còn lại của Công ty hiện nay phần lớn là các khoản nợ vừa và nhỏ. Công ty đang tích cực thu hồi nợ, sử dụng mọi công cụ có thể có như đàm phán, sử dụng quan hệ, pháp lý.... Khả năng thu hồi nợ xấu là khoảng 70%.

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Khoản mục	31/12/2015 (VND)	31/12/2016 (VND)
I	Tài sản ngắn hạn	1,324,934	186.378
1	Tiền	23,255	1.645
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	9,610	86
3	Phải thu	900,358	165.465
4	Hàng tồn kho	21375	16.057
5	Tài sản ngắn hạn khác	3,335	3.124
II	Tài sản dài hạn	563,162	1.528.659
1	- Phải thu dài hạn	69,500	0
2	- Tài sản cố định	181,560	452
3	- Bất động sản đầu tư	0	0
4	- Đầu tư tài chính dài hạn	312,101	1.347.869
5	- Tài sản dài hạn khác	0	0
	Tổng tài sản	1,888,097	1.715.038

2.2. Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Khoản mục	31/12/2015	31/12/2016
I	Nợ ngắn hạn	172.088	5.275
1	Vay và nợ ngắn hạn	59.496	0
2	Phải trả người bán	2.749	2.036
3	Người mua trả tiền trước	96.972	152
4	Thuế và các khoản phải nộp NN	9.213	1.151
5	Phải trả người lao động	767	543
6	Chi phí phải trả	150	59
7	Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.236	384
8	Quỹ khen thưởng phúc lợi	503	947
II	Nợ dài hạn	-	5.218

1	Vay và nợ dài hạn	-	4.775
2	Phải trả dài hạn khác	-	443
	Tổng cộng	172.612	10.493

Công ty thực hiện tái cấu trúc tài chính, tăng cường công tác thu hồi nợ và thanh lý, chuyển nhượng tài sản, cải thiện dòng tiền Công ty.

Liên tục trả nợ vay ngân hàng, giảm chi phí tài chính hiện tại, Công ty đã thanh toán toàn bộ khoản vay kỹ quỹ tại các công ty chứng khoán.

Năm 2016, phần vay dài hạn là món vay nhỏ không đáng kể.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Công ty đã sắp xếp và tái cấu trúc hợp lý bộ máy tổ chức, thay đổi bổ nhiệm mới nhiều vị trí chủ chốt trong Ban Giám đốc, tinh giảm nhân sự trong toàn Công ty, tiến tới mục tiêu đảm bảo nguồn nhân lực chất lượng, hoạt động hiệu quả. Đồng thời giảm đáng kể chi phí quản lý doanh nghiệp cho những kỳ tiếp theo; đáp ứng cho mục tiêu phát triển của VHG những năm tới, góp phần nâng cao hiệu quả và tăng tỷ suất lợi nhuận năm 2016

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Công ty tập trung vào phát triển các diện tích tiêu điện, khôi phục các diện tích cao su cũ của Công ty.

- Hoạt động thương mại: Với 10 năm hoạt động trên thị trường cáp viễn thông, VHG đã tạo lập được hình ảnh về doanh nghiệp hàng đầu cung cấp các sản phẩm viễn thông (cáp quang; dây và cáp điện; nhựa; các sản phẩm từ cốt sợi thủy tinh) cho các đối tác lớn như ViettelNet, ViettelGlobal,...Tận dụng lợi thế đã có này, Cao su Quảng Nam sẽ tiếp tục thực hiện phân phối, cung cấp các sản phẩm này cho các dự án trong khu vực và vùng lân cận cũng như mở rộng thị trường tiêu thụ ra nước ngoài. Trong năm 2015, Công ty tiếp tục bổ sung nguồn vốn lưu động cho việc mở rộng sang lĩnh vực phân phối phân bón, hóa chất,... và đạt được những thành công lớn. Dự kiến trong giai đoạn tới, Công ty sẽ tiếp tục mở rộng thị trường, tìm kiếm đối tác, phân phối sản phẩm, đồng thời cung cấp thêm các loại hàng hóa khác.

- Công ty sẽ tiếp tục đầu tư vốn lưu động mở rộng thị trường, tìm kiếm đối tác, phân phối sản phẩm trong lĩnh vực phân bón, hóa chất, đồng thời cung cấp thêm các loại hàng hóa khác

- Hoạt động khoáng sản: đẩy mạnh quá trình đàm phán, tập trung xin mỏ, đặc biệt là mỏ đá, cát; nhằm chủ động nguồn đầu vào đá và cát phục vụ hỗ trợ hoạt động thi công xây dựng hạ tầng, khu Công nghiệp và đường giao thông nhằm triển khai thực hiện các dự án lớn, trọng điểm của quốc gia và trong khu vực miền Trung như các dự án làm đường cao tốc, dự án cấp thoát nước, các dự án hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp... nhằm đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai.

- Kiện toàn bộ máy tổ chức, chú trọng công tác quản trị nguồn nhân lực và xây dựng đội ngũ cán bộ kế thừa, áp dụng công nghệ thông tin vào công tác quản trị doanh nghiệp, tiếp tục xây dựng và phát triển môi trường làm việc chuyên nghiệp cho cán bộ công nhân viên công ty. Tăng cường công tác quản lý chi phí và quản trị rủi ro tài chính, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn. Xây dựng kế hoạch và kiểm soát hoạt động của toàn hệ thống (công ty mẹ và công ty con) nhằm hoạt động đồng bộ, khai thác tối đa ưu thế nguồn nhân lực

V. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2016, tác động của cuộc khủng hoảng tài chính vẫn tiếp tục ảnh hưởng đến nền kinh tế. Tốc độ khôi phục nền kinh tế không nhanh như kỳ vọng. Lạm phát đã được kiểm soát nhưng còn tiềm ẩn nguy cơ gia tăng lại. Tín dụng cho nền kinh tế tăng chậm, khả năng tiếp cận nguồn vốn của doanh nghiệp còn bị hạn chế.

Trong bối cảnh kinh tế khó khăn, Ban giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty đã nỗ lực bám sát thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016. Kết quả kinh doanh này đã thể hiện sự nỗ lực không ngừng của cán bộ công nhân viên VHG trong quá trình thực hiện tái cấu trúc toàn diện doanh nghiệp, tạo nền tảng cho sự phát triển ổn định, bền vững.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc

Trong năm công tác HĐQT đã giao, phân quyền chủ động kinh doanh cho TGD và ban GD các Công ty con, dự án theo chỉ tiêu, mục tiêu cụ thể;

Các công ty con, dự án đã giữ vững được sản xuất, nỗ lực cố gắng theo đuổi để hoàn thành các mục tiêu của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông đã đề ra;

Công ty tuân thủ đúng quy định về công bố thông tin đối với Công ty đại chúng. Tình hình nộp nhân sách nhà nước về thuế, BHXH, BHYT, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động được thực hiện cơ bản đúng theo quy định;

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Mặc dù đã có những dấu hiệu cải thiện tích cực nhưng nền kinh tế năm 2016 vẫn tiếp tục phải đối mặt với những thách thức, khó khăn từ những bất ổn kinh tế vĩ mô kéo dài từ những giai đoạn trước.

Nhằm tiếp tục thực hiện thành công kế hoạch tái cấu trúc toàn diện Công ty, trong thời gian tới, Hội đồng quản trị sẽ tập trung:

a. Bộ máy quản lý

- Kiện toàn bộ máy tổ chức, chú trọng công tác quản trị nguồn nhân lực và xây dựng đội ngũ cán bộ kế thừa; áp dụng công nghệ thông tin vào trong quản trị doanh nghiệp. Đồng thời tiếp tục xây dựng và phát triển môi trường làm việc chuyên nghiệp cho cán bộ công nhân viên Công ty;
- Tăng cường công tác quản lý chi phí và quản trị rủi ro tài chính, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn;
- Xây dựng kế hoạch và kiểm soát hoạt động của toàn hệ thống (công ty mẹ và công ty con) nhằm hoạt động đồng bộ, khai thác tối đa ưu thế nguồn nhân lực.

b. Nguồn nhân lực

- Có chính sách mạnh dạn thay đổi và thu hút nguồn lãnh đạo cao cấp có trình độ và năng lực;
- Có chính sách bắt buộc đào tạo đội ngũ lãnh đạo kế cận;
- Có cơ chế thưởng phạt, cam kết và chịu trách nhiệm cá nhân trước Công ty về kết quả SXKD của các GD.

c. Các vấn đề khác

- Tăng cường quan hệ với đối tác bạn hàng quan trọng để tận dụng các cơ hội kinh doanh.
- Xây dựng môi trường làm việc năng động, sáng tạo và hiệu quả. Xây dựng thương hiệu vững mạnh trên thị trường, lấy lại vị thế Công ty là công ty chủ chốt ở Miền Trung.

VI. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu		Tỷ lệ %/ VĐL
			Cá nhân	Đại diện	
1	Ông Trần Xuân Hiếu	Chủ Tịch	400.000	0	0.27%
2	Ông: Vũ Anh Tuấn	Chủ Tịch, TGD	100.000	0	0.067%
3	Ông Nguyễn Thắng Lợi	Ủy Viên	0	0	0%
4	Ông Khuất Duy Tiến	Ủy Viên	50.000	0	0.033%
5	Ông Trần Đăng Khoa	Ủy Viên	0	0	0%

- Ông Trần Xuân Hiếu miễn nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị và ông Vũ Anh Tuấn được bầu làm Chủ tịch vào ngày 12/09/2016.

b) Hoạt động của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
01	02/2016/QĐ- HĐQT	04/01/2016	- V/v Triệu tập họp Đại hội cổ đông thường niên 2016.
02	006/2016/QĐ- HĐQT	29/01/2016	- V/v Chuyển nhượng cổ phần tại công ty Develyn
03	25/2016/NQ- VHG	20/05/2016	- V/v Thông qua việc đầu tư thêm vào công ty con.
04	29/2016/NQ- VHG	13/06/2016	- V/v Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm 2016.
05	33/2016/NQ- VHG	29/06/2016	- V/v Thông qua phương án đầu tư mua cổ phần của Công ty Cổ Phần phát triển Bất Động Sản Tây Hồ Tây.
06	40/2016/NQ- VHG	27/07/2016	- V/v thông qua việc thoái vốn tại Công ty Cổ Phần Cao Su Sao Vàng
07	56/2016/NQ- HĐQT	12/09/2016	- V/v Miễn nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT.
08	60/2016/NQ- VHG	30/09/2016	- V/v Chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ Phần Thủy Sản Viễn Đông.

c) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có.

- d) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu		Tỷ lệ %/ VĐL
			Cá nhân	Đại diện	
1	Lê Thị Cẩm Vân	Trưởng BKS	0	0	0
2	Hồ Thị Thu Hồng	Thành viên BKS	0	0	0
3	Nguyễn Đình Quyết	Thành viên BKS	0	0	0

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm, Ban Kiểm soát đã thực thi nhiệm vụ được qui định, phân công kiểm soát, đánh giá từng hoạt động chuyên sâu. Các hoạt động của Ban Kiểm soát được tiến hành một cách chi tiết theo qui định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty, cụ thể:

Số cuộc họp của Ban kiểm soát: 02 cuộc họp

Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Thẩm tra các báo cáo tài chính giữa niên độ và cả năm của Công ty, báo cáo kiểm toán và danh sách các bút toán điều chỉnh của kiểm toán.
- Thẩm tra kết quả thực hiện nghị quyết Đại hội Cổ đông, các nghị quyết của Hội đồng Quản trị
- Giám sát việc chấp hành nghĩa vụ của doanh nghiệp theo qui định của Pháp luật về thuế, kế toán và các chính sách hiện hành.
- Xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi cho nhà đầu tư
- Giám sát về việc chấp hành giao dịch cổ phiếu của những người có liên quan đến HĐQT, Ban Giám đốc, Ban Kiểm Soát và Kế toán trưởng công ty

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình, Ban Kiểm soát đã được HĐQT, Ban Giám đốc tạo mọi điều kiện để hoàn thành nhiệm vụ.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Nội dung	Thu lao năm 2016 (Đồng)	Ghi chú
Hội đồng quản trị	523.390.700	
Ban kiểm soát	72.000.000	

b) Giao dịch cổ phiếu:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu phát sinh trong kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	CTCP Quản lý quỹ Đầu tư Sao Vàng	Cổ đông lớn	15.000.000	10%	0	0	0	0,00%	Bán

c) Các giao dịch khác: (các giao dịch của cổ đông nội bộ/ cổ đông lớn và người liên quan với chính Công ty). Không có

d) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

VII. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Tổ chức kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội

Văn Phòng giao dịch: Phòng 1407, Tòa nhà 137 Nguyễn Ngọc Vũ, Trung Hòa Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại : (84-4) 62859 222 Fax : (84-4) 62859 111

Website : www.acc.com.vn

Ý kiến của Kiểm toán

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán.

Số: 0204/2017/BCTC-KTV/HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông và Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 07/04/2017, từ trang 03 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2017

**Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn
Đất Việt tại Hà Nội**



HOÀNG ĐÌNH HẢI - Phó Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2282-2015-037-1



LÊ THẾ THANH - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2372-2014-037-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B 01-DN/HN
 Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		186.378.923.362	1.324.934.406.207
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.645.253.744	390.255.460.387
1. Tiền	111	V.1	1.645.253.744	23.255.460.387
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	367.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.10a	86.000.000	9.610.311.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		350.000.000	10.632.280.522
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(264.000.000)	(1.021.969.522)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		165.465.812.226	900.358.204.017
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	38.614.358.831	150.988.681.442
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		64.732.388.741	440.784.903.590
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.3	-	194.700.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	83.607.414.983	123.809.366.595
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(21.488.350.329)	(9.924.747.610)
IV. Hàng tồn kho	140	V.5b	16.057.601.192	21.375.345.887
1. Hàng tồn kho	141		16.566.137.192	21.375.345.887
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(508.536.000)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.124.256.200	3.335.084.916
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	47.000.000	8.000.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.024.093.232	3.265.180.876
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153	V.13	53.162.968	61.904.040
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.528.659.770.118	563.162.948.482
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	69.500.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	-	69.500.000.000
II. Tài sản cố định	220		452.308.044	785.769.244
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	452.308.044	746.236.986
- Nguyên giá	222		4.580.401.125	4.580.401.125
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.128.093.081)	(3.834.164.139)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	-	39.532.258
- Nguyên giá	228		675.311.099	675.311.099
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(675.311.099)	(635.778.841)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		180.338.006.386	180.775.389.277
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	180.338.006.386	180.775.389.277
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10b	1.347.869.455.688	312.101.789.961
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.015.749.455.688	257.381.789.961
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		332.120.000.000	54.720.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.715.038.693.480	1.888.097.354.689



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		10.493.893.790	172.612.177.229
I. Nợ ngắn hạn	310		5.275.054.697	172.088.369.879
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	2.036.497.754	2.749.182.442
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		152.918.854	96.972.955.180
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	1.151.070.006	9.213.178.271
4. Phải trả người lao động	314		543.812.700	767.203.363
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	59.671.511	150.000.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	384.038.206	2.236.587.190
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11a	-	59.496.217.767
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		947.045.666	503.045.666
II. Nợ dài hạn	330		5.218.839.093	523.807.350
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11b	4.775.392.420	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		443.446.673	523.807.350
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.704.544.799.690	1.715.485.177.460
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.704.544.799.690	1.715.485.177.460
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.16	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.16	49.666.628.000	49.666.628.000
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.16	(32.582.949.816)	(32.582.949.816)
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.16	162.787.529.776	174.234.922.489
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		173.734.922.489	100.047.363.482
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(10.947.392.713)	74.187.559.007
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		24.673.591.730	24.166.576.787
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.715.038.693.480	1.888.097.354.689



Vũ Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Ngày 08 tháng 04 năm 2017

Lê Khiếu Phương
Kế toán trưởng

Trương Văn Thịnh
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

MẪU SỐ B 02-DN/HN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.164.490.381.435	659.671.082.150
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.164.490.381.435	659.671.082.150
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.144.045.500.497	627.981.714.840
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		20.444.880.938	31.689.367.310
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	56.760.707.701	66.962.532.859
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	55.244.044.999	12.960.670.596
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>16.154.986.343</i>	<i>6.600.457.551</i>
8. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết			5.458.265.779	8.141.146.341
9. Chi phí bán hàng	24	VI.5	1.704.931.624	393.489.090
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	46.661.784.341	7.579.814.718
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(20.946.906.546)	85.859.072.106
12. Thu nhập khác	31	VI.7	-	842.589.685
13. Chi phí khác	32	VI.7	4.606.176.682	1.911.142.404
14. Lợi nhuận khác	40	VI.7	(4.606.176.682)	(1.068.552.719)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(25.553.083.228)	84.790.519.387
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	4.703.078.917	8.692.218.531
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.9	(32.741.827)	523.807.350
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(30.223.420.318)	75.574.493.506
- Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		(32.528.280.777)	75.089.338.380
- Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		2.304.860.459	485.155.126
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	(217)	696



Vũ Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Ngày 08 tháng 04 năm 2017

Lê Khiếu Phương
Kế toán trưởng

Trương Văn Thịnh
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(25.553.083.228)	84.790.519.387
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		27.342.602.499	1.198.435.987
- Các khoản dự phòng	03		11.314.169.197	(62.157.968)
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(22.985.381.704)	(74.067.960.226)
- Chi phí lãi vay	06		16.154.986.343	6.600.457.551
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		6.273.293.107	18.459.294.731
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		307.562.756.587	(264.669.133.134)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		177.259.353.759	(18.985.985.857)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(139.747.509.925)	54.080.658.210
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		47.818.119	851.203.903
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		10.282.280.522	(10.252.124.000)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(16.095.314.832)	(6.600.457.551)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(10.253.986.548)	(7.663.626.681)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(56.000.000)	(19.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		335.272.690.789	(234.799.170.379)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.532.692.402)	(20.277.597.097)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		4.097.500.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(187.644.392.420)	(227.610.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		378.669.000.000	43.410.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.266.203.957.741)	(69.500.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		332.191.675.902	102.281.872.572
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		21.827.462.576	10.910.297.205
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(718.595.404.085)	(160.785.427.320)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ Sở hữu	31		-	753.822.100.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(32.582.949.816)
3. Tiền thu từ đi vay	33		605.954.291.835	206.521.999.107
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(611.241.785.182)	(211.231.911.268)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(1.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.287.493.347)	715.529.238.023
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(388.610.206.643)	319.944.640.324
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		390.255.460.387	70.310.820.063
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	1.645.253.744	390.255.460.387



Vũ Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Ngày 08 tháng 04 năm 2017

Lê Khiếu Phương
Kế toán trưởng

Trương Văn Thịnh
Người lập biểu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1. Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Đầu tư cao su Quảng Nam được đổi tên từ Công ty Cổ phần đầu tư và sản xuất Việt Hàn (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 33030700039 ngày 14 tháng 07 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam cấp. Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 15 số 4000386181 ngày 25 tháng 11 năm 2015.

Hoạt động chính của Công ty là:

Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học; Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại; Sản xuất, truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: thủy điện, sản xuất điện khác...); Sản xuất sản phẩm từ plastic (Chi tiết: sản xuất ống nhựa cứng, ống nhựa mềm); Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, kỹ thuật; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Trồng cây cao su; Khai thác gỗ; Khai thác quặng đồng; Khai thác quặng sắt; Sản xuất linh kiện điện tử (Chi tiết: sản xuất các thiết bị điện thoại); Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (Chi tiết: bán buôn các thiết bị điện tử, viễn thông, thiết bị điện tử điều khiển, thiết bị phát sóng, linh kiện điện thoại); Trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ; Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Sản xuất sản phẩm khác từ plastic; Sản xuất bột giấy, giấy và bia; Sản xuất sản phẩm chịu lửa; Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Sản xuất cao su tổng hợp dạng nguyên sinh; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Bán buôn thiết bị điện lạnh, điện cơ; Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ; Bán buôn giấy các loại; Hoạt động viễn thông có dây; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Hoạt động viễn thông không dây; Tìm kiếm, thăm dò, khai thác khoáng sản (trừ khoáng sản cầm)...

Công ty có trụ sở chính tại : Thôn Phú Sơn, Xã Ba, Huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam

2. Công ty con được hợp nhất

Công ty Cổ phần Khoáng sản Quảng Nam

- * Địa chỉ: Khu B, Lô 4, Khu Công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam
- * Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 31/12/2016: 96,91%
- * Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 31/12/2016: 96,91%

Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao Su Quảng Nam

- * Địa chỉ: Thôn Phú Sơn, xã Ba, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam
- * Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 31/12/2016: 98,04%
- * Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 31/12/2016: 98,04%

3. Công ty liên doanh, liên kết được hợp nhất

Công ty Cổ phần Cao su Sao vàng

- * Địa chỉ: Số 231 - Đ.Nguyễn Trãi - P.Thượng Đình - Q.Thanh Xuân - TP.Hà Nội.
- * Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 31/12/2016: 0%
- * Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 31/12/2016: 0%

Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Quảng Nam

- * Địa chỉ: Khu 5, thị trấn Ái Nghĩa, huyện Đại Lộc, Quảng Nam
- * Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 31/12/2016: 32.30%
- * Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 31/12/2016: 32.30%

Công ty TNHH Thương Mại Hoài Mỹ

- * Địa chỉ: Thôn Hy Thế, xã Hoài Châu Bắc, huyện Hoài Nhơn, Bình Định
- * Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 31/12/2016: 24,23%
- * Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 31/12/2016: 24,23%

Công ty CP Granite Phú Yên

- * Địa chỉ: Thôn Bình Nông, Xã Xuân Lâm, Thị xã Sông Cầu, Phú Yên
- * Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 31/12/2016: 40,70%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN

* Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 31/12/2016: 40,70%
Công ty CP Phát triển Bất động sản Tây Hồ Tây

* Địa chỉ: Số 125 Hoàng Văn Thái, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

* Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 31/12/2016: 49,51%

* Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 31/12/2016: 49,51%

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC & Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT_BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là kế toán trên máy tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ; tiền gửi ngân hàng; các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN

tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	09
Máy móc và thiết bị	06- 10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	04 -05
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 -05
Tài sản cố định hữu hình khác	03 -07

5. Tài sản cố định vô hình

Mọi chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã chi ra thoả mãn đồng thời các tiêu chuẩn sau mà không hình thành tài sản cố định hữu hình thì được coi là tài sản cố định vô hình: (i) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó; (ii) Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên; (iii) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 VND trở lên.

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua riêng biệt bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hình thành trong quá trình sáp nhập doanh nghiệp có tính chất mua lại là giá trị hợp lý của tài sản đó vào ngày mua.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán, Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

6. Các khoản đầu tư tài chính

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn, Công ty trích lập dự phòng nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ, trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên Bảng cân đối kế toán.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

8. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

9. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi, lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

10. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; (ii) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; (iii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (iv) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và (v) Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng có thể xác định được.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (ii) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; (iii) Phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán có thể xác định được; và (iv) Chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó có thể xác định được.

Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của Công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau: (i) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và (ii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN

Các khoản vay trong năm được thanh toán thẳng cho các nhà cung cấp. Do đó dòng tiền vay thanh toán trực tiếp không được trình bày trên Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính.

12. Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(Đơn vị tính: VND)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Tiền mặt	205.432.818	1.526.107.076
Tiền gửi ngân hàng	1.439.820.926	21.729.353.311
Các khoản tương đương tiền	-	367.000.000.000
Cộng	<u>1.645.253.744</u>	<u>390.255.460.387</u>

2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- Công ty CP XNK Đức Nguyễn	-	119.750.395.000
- Công ty CP Phát triển Công nghệ SLF	18.520.500.000	-
- Công ty CP Xây dựng và Thương mại Đà Trung	248.377.696	473.377.696
- Các khách hàng khác	19.845.481.135	30.764.908.746
Cộng	<u>38.614.358.831</u>	<u>150.988.681.442</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN

3. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
- Cho vay cá nhân	-	134.700.000.000
- Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Quảng Nam	-	60.000.000.000
Cộng	-	194.700.000.000

4. Phải thu khác

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	83.607.414.983	665.618.333	123.809.366.595	-
- Tạm ứng	3.779.285	-	1.639.967.280	-
- Phải thu về lãi cho vay	-	-	6.139.972.221	-
- Phải thu về chuyển nhượng cổ phần	71.750.000.000	-	100.000.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư Develyn	-	-	5.620.869.241	-
- Công ty CP Khai Thác và Chế Biến Khoáng Sản Quảng Nam	11.095.000.000	-	9.040.000.000	-
- Ký quỹ, ký cược	33.000.000	-	134.048.958	-
- Phải thu khác	725.635.698	665.618.333	1.234.508.895	-
b. Dài hạn	-	-	69.500.000.000	-
- Công ty CP Đầu Tư và Xây Dựng Bắc Trường Lợi (*)	-	-	69.500.000.000	-
Cộng	83.607.414.983	665.618.333	193.309.366.595	-

(*) Góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0106/2015 ngày 01 tháng 06 năm 2015 giữa Công ty Cổ phần Khoáng sản Quảng Nam (là Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam) và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bắc Trường Lợi về việc hai bên Hợp tác khai thác mỏ đá tại Hương Sơn Hà Tĩnh. Tổng số vốn đầu tư của dự án là 100 tỷ VND, trong đó Công ty Cổ phần Khoáng sản Quảng Nam góp 69,5 tỷ VND, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bắc Trường Lợi góp 30,5 tỷ VND. Lợi nhuận sẽ được chia theo tỷ lệ vốn góp giữa 2 bên. Tuy nhiên, do tình hình khai thác không như mong đợi, hai bên đã đi đến thống nhất thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1606/2016/TLHĐHTKD ngày 16 tháng 06 năm 2016.

5. Hàng tồn kho

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	-	-	339.849.695	-
- Công cụ, dụng cụ	-	-	1.655.000	-
- Hàng hóa	16.566.137.192	508.536.000	21.033.841.192	-
Cộng	16.566.137.192	508.536.000	21.375.345.887	-

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
- Chi phí thuê văn phòng	47.000.000	8.000.000
Cộng	47.000.000	8.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN

7. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Trang thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	327.910.025	1.888.972.159	110.335.623	348.437.168	1.904.746.150	4.580.401.125
Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
Tăng do hợp nhất	-	279.080.453	7.681.921.150	-	-	7.961.001.603
Giảm do hợp nhất	-	(279.080.453)	(7.681.921.150)	-	-	(7.961.001.603)
Số dư cuối năm	327.910.025	1.888.972.159	110.335.623	348.437.168	1.904.746.150	4.580.401.125
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	83.742.471	1.400.617.756	110.335.623	334.722.139	1.904.746.150	3.834.164.139
Khấu hao trong năm	37.218.876	242.995.037	-	13.715.029	-	293.928.942
Tăng do hợp nhất	-	279.080.453	-	-	-	279.080.453
Giảm do hợp nhất	-	(279.080.453)	-	-	-	(279.080.453)
Số dư cuối năm	120.961.347	1.643.612.793	110.335.623	348.437.168	1.904.746.150	4.128.093.081
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	244.167.554	488.354.403	-	13.715.029	-	746.236.986
Tại ngày cuối năm	206.948.678	245.359.366	-	-	-	452.308.044

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn đang sử dụng tại 31/12/2016 là: 2.496.190.741 VND.

8. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	675.311.099	675.311.099
Tăng do hợp nhất	179.959.098	179.959.098
Giảm do hợp nhất	(179.959.098)	(179.959.098)
Số dư cuối năm	675.311.099	675.311.099
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	635.778.841	635.778.841
Khấu hao trong năm	39.532.258	39.532.258
Tăng do hợp nhất	179.959.098	179.959.098
Giảm do hợp nhất	(179.959.098)	(179.959.098)
Số dư cuối năm	675.311.099	675.311.099
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	39.532.258	39.532.258
Tại ngày cuối năm	-	-

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn đang sử dụng tại 31/12/2016 là: 675.311.099 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- Dự án trồng Cao su	171.427.987.172	169.771.764.466
- Bất động sản đầu tư (KCN An Lưu)	8.910.019.214	8.910.019.214
- Dự án khoáng sản	-	1.735.222.514
- Dự án tái chế nhựa	-	86.358.000
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	-	272.025.083
Cộng	<u>180.338.006.386</u>	<u>180.775.389.277</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN

10. Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
- Tổng giá trị Cổ phiếu	350.000.000	86.000.000	10.632.280.522	9.860.311.000
+ Cổ phiếu Công ty CP DV và Dầu khí Cửu Long (PCT)	-	-	2.575.000.000	2.825.000.000
+ Cổ phiếu Công ty CP Simco Sông Đà (SDA)	-	-	4.052.530.522	3.560.361.000
+ Cổ phiếu Công ty CP MHC (MHC)	-	-	3.654.750.000	3.388.950.000
+ Cổ phiếu Công ty TM & DV Dầu khí Vũng Tàu (VMG)	350.000.000	86.000.000	350.000.000	86.000.000
Cộng	350.000.000	86.000.000	10.632.280.522	9.860.311.000
				(1.021.969.522)

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)
* Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	1.015.787.289.571	-	257.381.789.961	136.324.700.000
- Công ty CP Cao su Sao Vàng	-	-	115.240.643.620	136.324.700.000
- Công ty CP Develyn	-	-	49.000.000.000	-
- Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Quảng Nam	60.000.000.000	-	60.000.000.000	-
- Công ty TNHH Thương Mại Hoài Mỹ	25.000.000.000	-	25.000.000.000	-
- Công ty CP Phát triển BĐS Tây Hồ Tây	728.541.664.358	-	-	-
- Công ty CP Granite Phú Yên	201.540.000.000	-	-	-
- Lãi Công ty liên kết	705.625.213	-	8.141.146.341	-
* Đầu tư vào đơn vị khác	332.120.000.000	-	54.720.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Cao Su Miền Nam	54.720.000.000	-	54.720.000.000	-
- Công ty CP Thủy sản Viễn Đông	19.000.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH Thống Nhất	198.400.000.000	-	-	-
- Công ty CP Khoáng sản Lào Cai - Quảng Trị	60.000.000.000	-	-	-
Cộng	1.347.907.289.571	-	312.101.789.961	136.324.700.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN

(*) Theo qui định tại Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty chỉ đánh giá được những khoản đầu tư đối với Công ty niêm yết tại thời điểm 31/12/2016. Đối với các Công ty chưa thực hiện niêm yết, Công ty chưa xác định được định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các Công ty liên kết và các khoản đầu tư vào các đơn vị khác của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
- Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Quảng Nam	Khu 5, Thị trấn ái Nghĩa, Huyện Đại Lộc, Quảng Nam	32,30%	32,30%	Khai thác quặng kim loại quý hiếm
- Công ty TNHH Thương Mại Hoài Mỹ	Thôn Hy Thế, Xã Hoài Châu Bắc, Huyện Hoài Nhơn, Bình Định	24,23%	24,23%	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Cắt tạo đá tảng và hoàn thiện đá
- Công ty CP Phát triển Bất động sản Tây Hồ Tây	Hoàng Văn Thái, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân	49,51%	49,51%	Kinh doanh bất động sản
- Công ty CP Granite Phú Yên	Thôn Bình Nông, Xã Xuân Lâm, Thị xã Sông Cầu, Phú Yên	40,70%	40,70%	Khai thác đá
- Công ty CP Khoáng sản Lào Cai - Quảng Trị	Đường Trần Bình Trọng, Khu phố 7, Phường 3, Thành phố Đông Hà, Quảng Trị	19,38%	19,38%	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
- Công ty CP Đầu tư Cao Su Miền Nam	13 Lê Văn Tách, Phường Linh Tây, Quận Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh	18,63%	18,63%	Trồng cao su; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.
- Công ty CP Thủy sản Viễn Đông	Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng	19%	19%	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản
- Công ty TNHH Thống Nhất	Thành phố Đông Hà, Quảng Trị	17,29%	17,29%	Khai thác Titan

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN

II. Vay và nợ thuê tài chính

	Cuối năm		Trong năm		Hợp nhất		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn								
- Công ty CP Chứng khoán MB	-	-	521.178.899.415	611.241.785.182	30.566.668.000	-	59.496.217.767	59.496.217.767
- Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	-	-	558.505.529	17.365.536.955	-	-	16.807.031.426	16.807.031.426
- Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	-	-	-	3.272.328.816	-	-	3.272.328.816	3.272.328.816
- Chi nhánh Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội	-	-	131.115.710.769	170.060.669.010	-	-	38.944.958.241	38.944.958.241
- Công ty CP Chứng khoán IB	-	-	4.337.241.781	4.809.141.065	-	-	471.899.284	471.899.284
- Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT	-	-	35.167.441.336	35.167.441.336	-	-	-	-
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức.	-	-	350.000.000.000	350.000.000.000	-	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Bản Việt	-	-	-	30.566.668.000	30.566.668.000	-	-	-
b. Vay dài hạn								
- Công ty CP Phát triển Bất động sản Tây Hồ Tây	4.775.392.420	4.775.392.420	84.775.392.420	-	-	80.000.000.000	-	-
- Trái phiếu dài hạn	-	-	80.000.000.000	-	-	80.000.000.000	-	-
Cộng	4.775.392.420	4.775.392.420	605.954.291.835	611.241.785.182	30.566.668.000	80.000.000.000	59.496.217.767	59.496.217.767

Chi tiết các khoản vay tại thời điểm ngày 31/12/2016:

(*) Vay dài hạn Công ty CP Phát triển Bất Động Sản Tây Hồ Tây theo các hợp đồng:

Hợp đồng tín dụng số 10TD/THT-VHG ngày 01/10/2016, Hợp đồng tín dụng số 11TD/THT-VHG ngày 01/11/2016 và Hợp đồng tín dụng số 12TD/THT-VHG ngày 25/12/2016, với tổng số tiền là 4.775.392.420 VND; Thời hạn cho vay 18 tháng; lãi suất 8% năm, lãi suất quá hạn bằng 120% lãi suất trong hạn; mục đích vay: Bổ sung nguồn vốn kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty TNHH MTV TM DV XD SX Hoàng Gia Phát	727.975.000	727.975.000	727.975.000	727.975.000
- Công ty TNHH MTV Quế Lâm Miền Trung	372.575.000	372.575.000	372.575.000	372.575.000
- Các khách hàng khác	935.947.754	935.947.754	1.648.632.442	1.648.632.442
Cộng	2.036.497.754	2.036.497.754	2.749.182.442	2.749.182.442

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số đã thực nộp trong năm		Tăng do hợp nhất		Giảm do hợp nhất		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Tăng do hợp nhất	Giảm do hợp nhất	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm					
Thuế giá trị gia tăng	-	468.318.520	1.828.135.627	114.465.219	1.828.135.627	2.219.679.950	519.147.937	-	-	-	455.180.125	-	455.180.125	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.231.663	8.692.218.531	10.253.986.548	4.703.078.917	10.253.986.548	748.250.934	3.730.754.193	5.231.663	5.231.663	5.231.663	158.807.641	5.231.663	158.807.641	
Thuế thu nhập cá nhân	24.588.486	13.589.970	413.538.270	430.926.144	413.538.270	(5.258.158)	1.085.385	15.847.414	15.847.414	15.847.414	15.893.229	15.847.414	15.893.229	
Thuế tài nguyên	32.083.891	-	185.205.034	185.205.034	185.205.034	-	-	32.083.891	-	32.083.891	-	-	-	
Các loại thuế khác	-	-	9.000.000	9.000.000	9.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	39.051.250	860.771.075	1.342.908.836	860.771.075	-	-	-	-	-	521.189.011	-	521.189.011	
Cộng	61.904.040	9.213.178.271	13.550.636.554	6.785.584.150	13.550.636.554	2.962.672.726	4.250.987.515	53.162.968	4.250.987.515	53.162.968	1.151.070.006	1.151.070.006	1.151.070.006	

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- Chi phí lãi vay phải trả	59.671.511	-
- Chi phí phải trả khác	-	150.000.000
Cộng	<u>59.671.511</u>	<u>150.000.000</u>

15. Phải trả khác ngắn hạn

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- Kinh phí công đoàn	158.107.406	127.105.080
- Bảo hiểm xã hội	56.835.596	3.247.140
- Bảo hiểm y tế	7.250.795	2.122.530
- Bảo hiểm thất nghiệp	9.692.141	8.385.124
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	152.152.268	2.095.727.316
Cộng	<u>384.038.206</u>	<u>2.236.587.190</u>

16. Vốn chủ sở hữu

16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
NĂM TRƯỚC					
Số dư đầu năm	750.000.000.000	49.844.528.000	-	100.547.363.482	900.391.891.482
Tăng vốn	750.000.000.000	(177.900.000)	(32.582.949.816)	-	717.239.150.184
Lãi trong năm	-	-	-	75.089.338.380	75.089.338.380
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Tăng (giảm) do hợp nhất	-	-	-	(901.779.373)	(901.779.373)
Số dư cuối năm	1.500.000.000.000	49.666.628.000	(32.582.949.816)	174.234.922.489	1.691.318.600.673
NĂM NAY					
Số dư đầu năm	1.500.000.000.000	49.666.628.000	(32.582.949.816)	174.234.922.489	1.691.318.600.673
Lãi trong năm	-	-	-	(32.528.280.777)	(32.528.280.777)
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Tăng (giảm) do hợp nhất	-	-	-	21.580.888.064	21.580.888.064
Số dư cuối năm	1.500.000.000.000	49.666.628.000	(32.582.949.816)	162.787.529.776	1.679.871.207.960

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận sau thuế năm 2015 để bổ sung nguồn quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016 số 15/NQ-ĐHCĐ/VHG ngày 21 tháng 04 năm 2016.

16.2. Cổ phiếu

	<u>Cuối năm</u> <i>Cổ phiếu</i>	<u>Đầu năm</u> <i>Cổ phiếu</i>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	150.000.000	150.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	150.000.000	150.000.000
Cổ phiếu phổ thông	150.000.000	150.000.000
Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	4.010.230	4.010.230
Cổ phiếu phổ thông	4.010.230	4.010.230
Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	145.989.770	145.989.770
Cổ phiếu phổ thông	145.989.770	145.989.770

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Đơn vị tính: VND)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu	1.164.490.381.435	659.671.082.150
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	971.745.664.434	659.671.082.150
Doanh thu Bất động sản	192.744.717.001	-
Các khoản giảm trừ	-	-
Doanh thu thuần	1.164.490.381.435	659.671.082.150

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán và dịch vụ	972.017.818.434	627.981.714.840
Giá vốn Bất động sản	171.519.146.063	-
Cộng	1.143.536.964.497	627.981.714.840

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	14.376.144.355	12.331.518.560
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.418.696.000	6.738.954.280
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	1.542.864
Lãi đầu tư cổ phiếu	1.136.055.000	1.037.379.000
Lãi từ chuyển nhượng vốn	37.825.947.380	45.500.000.000
Lãi thoái vốn trên Báo cáo tài chính hợp nhất	3.815.920	1.353.138.155
Doanh thu tài chính khác	49.046	-
Cộng	56.760.707.701	66.962.532.859

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền vay	16.154.986.343	6.600.457.551
Lỗ từ chuyển nhượng vốn	24.400.000.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	635.113
Lỗ đầu tư cổ phiếu	1.956.567.922	5.222.482.000
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	734.111.500
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(757.969.522)	-
Lỗ thoái vốn trên Báo cáo tài chính hợp nhất	11.603.882.133	-
Chi phí tài chính khác	1.886.578.123	402.984.432
Cộng	<u>55.244.044.999</u>	<u>12.960.670.596</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.608.577.077	393.489.090
Chi phí khác bằng tiền	96.354.547	-
Cộng	<u>1.704.931.624</u>	<u>393.489.090</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	287.819.935	251.060.959
Chi phí nhân viên quản lý	3.276.563.358	2.869.924.160
Chi phí khấu hao tài sản cố định	127.433.081	965.280.178
Chi phí dự phòng	11.563.602.719	(796.269.468)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.529.463.640	1.299.548.807
Lợi thế thương mại	27.132.671.603	-
Chi phí khác bằng tiền	1.744.230.005	2.990.270.082
Cộng	<u>46.661.784.341</u>	<u>7.579.814.718</u>

7. Lợi nhuận khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập khác	<u>-</u>	<u>842.589.685</u>
Thanh lý tài sản cố định	-	3.202.890
Thu nhập khác	-	839.386.795
Chi phí khác	<u>4.606.176.682</u>	<u>1.911.142.404</u>
Các khoản phạt	746.407.442	1.143.929.802
Chi phí khác	3.859.769.240	767.212.602
Lợi nhuận khác	<u>(4.606.176.682)</u>	<u>(1.068.552.719)</u>

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp công ty mẹ	1.720.575.658	8.692.218.531
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp công ty con	2.982.503.259	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>4.703.078.917</u>	<u>8.692.218.531</u>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(32.528.280.777)	75.089.338.380
Các khoản điều chỉnh:	-	500.000.000
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế (*)</i>	-	500.000.000
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(32.528.280.777)	74.589.338.380
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)	150.000.000	107.141.289
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>(217)</u>	<u>696</u>

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận sau thuế năm 2015 để bổ sung nguồn quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016, số 15/NQ-ĐHCĐ/VHG ngày 21 tháng 04 năm 2016. Do đó, Công ty tính lại lãi cơ bản trên cổ phiếu do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng và phúc lợi năm 2015.

Năm 2016, Công ty chưa có kế hoạch trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên lợi nhuận sau thuế. Do đó không có số liệu trình bày.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	287.819.935	251.060.959
Chi phí nhân công	3.276.563.358	2.869.924.160
Chi phí khấu hao tài sản cố định	209.930.896	1.198.435.987
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.580.811.513	1.693.037.897
Chi phí khác	43.671.239.511	5.389.310.082
Cộng	<u>50.026.365.213</u>	<u>11.401.769.085</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Đơn vị tính: VND)***Các giao dịch về đầu tư và tài chính không trực tiếp sử dụng tiền**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chuyển khoản cho vay thành khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Khoáng sản Quảng Nam	12.774.200.000	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

(Đơn vị tính: VND)

1. Thông tin về các bên liên quan

Mối quan hệ của các bên liên quan trong năm

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Cao su Sao Vàng	Công ty liên kết
Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Quảng Nam	Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Khoáng sản Quảng Nam là Công ty con
Ông Vũ Anh Tuấn	Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam
Ông Trần Xuân Hiếu	Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam
Ông Khuất Duy Tiến	Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Quảng Nam là Công ty con
Ông Nguyễn Thắng Lợi	Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Quảng Nam là Công ty con

Giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm 2016

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị (VND)
Công ty CP Cao su Sao Vàng	Cổ tức được chia	2.806.685.000
Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Quảng Nam	Chi phí lãi vay phải trả Công ty Cổ phần Khoáng sản Quảng Nam	2.055.000.000
Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Quảng Nam	Trả gốc vay Công ty Cổ phần Khoáng sản Quảng Nam	60.000.000.000
Ông Vũ Anh Tuấn	Tạm ứng	1.026.397.285
Ông Vũ Anh Tuấn	Thanh toán tạm ứng	1.091.618.000
Ông Trần Xuân Hiếu	Thanh toán tạm ứng	33.118.099
Ông Khuất Duy Tiến	Thanh toán tạm ứng	1.500.000.000
Ông Nguyễn Thắng Lợi	Trả tiền	15.000.000

Số dư với các bên liên quan tại ngày 31/12/2016

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Quảng Nam	Phải thu khác	6.900.000.000	6.900.000.000
Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Quảng Nam	Phải thu khác (lãi vay phải thu)	4.195.000.000	2.140.000.000
Ông Vũ Anh Tuấn	Phải thu khác (tạm ứng)	3.779.285	69.000.000
Ông Trần Xuân Hiếu	Phải thu khác (tạm ứng)	-	33.118.099
Ông Khuất Duy Tiến	Phải thu khác (tạm ứng)	-	1.500.000.000
Ông Nguyễn Thắng Lợi	Phải trả khác	-	15.000.000

Thu nhập của các thành viên Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	523.390.700	360.000.000
Cộng	523.390.700	360.000.000

2. Báo cáo bộ phận

Hoạt động chủ yếu của Công ty và các Công ty con trong năm là kinh doanh thương mại các mặt hàng phân bón, mặt hàng hóa chất, kinh doanh bất động sản và các hoạt động khác tại địa bàn tỉnh Quảng Nam và Thành phố Hà Nội, nên Báo cáo bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo Bộ phận được trình bày như sau

a. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Phân Bón	Hóa chất	Bất Động sản	Các mặt hàng khác	Cộng
KẾT QUẢ KINH DOANH					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	594.881.200.000	370.366.050.000	192.744.717.001	6.498.414.434	1.164.490.381.435
Giá vốn hàng bán	594.748.500.000	370.802.000.000	171.519.146.063	6.975.854.434	1.144.045.500.497
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	132.700.000	(435.950.000)	21.225.570.938	(477.440.000)	20.444.880.938
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	48.366.715.965
Doanh thu tài chính	-	-	-	-	56.760.707.701
Chi phí tài chính	-	-	-	-	55.244.044.999
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	4.606.176.682
Lợi nhuận từ Công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	-	5.458.265.779
Lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-	-	-	(25.553.083.228)
Chi phí thuế	-	-	-	-	4.670.337.090
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	(30.223.420.318)
TÀI SẢN					
Tài sản bộ phận	18.520.500.000	-	-	20.384.985.000	38.905.485.000
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	1.676.133.208.480
Tổng tài sản	-	-	-	-	1.715.038.693.480
NỢ PHẢI TRẢ					
Nợ phải trả bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	10.493.893.790
Tổng nợ phải trả	-	-	-	-	10.493.893.790

b. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

	Hà Nội	Quảng Nam	Cộng
KẾT QUẢ KINH DOANH			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	192.744.717.001	971.745.664.434	1.164.490.381.435
Giá vốn hàng bán	171.519.146.063	972.526.354.434	1.144.045.500.497
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	21.225.570.938	(780.690.000)	20.444.880.938
TÀI SẢN			
Tài sản bộ phận	-	1.715.038.693.480	1.715.038.693.480
Tài sản không phân bổ	-	-	-
Tổng tài sản	-	-	1.715.038.693.480
NỢ PHẢI TRẢ			
Nợ phải trả bộ phận	-	10.493.893.790	10.493.893.790
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-
Tổng nợ phải trả	-	-	10.493.893.790

3. Công cụ tài chính

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), có hiệu lực đối với các Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi. Tuy nhiên, Thông tư 210 không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực kế toán quốc tế và Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế. Các khoản mục tài sản và nợ của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán Việt Nam.

3.1. Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.645.253.744	390.255.460.387
Phải thu khách hàng và phải thu khác	100.733.423.485	334.373.300.427
Đầu tư ngắn hạn	86.000.000	9.610.311.000
Phải thu cho vay ngắn hạn	-	194.700.000.000
Đầu tư dài hạn	1.347.869.455.688	312.101.789.961
Cộng	1.450.334.132.917	1.241.040.861.775
Nợ phải trả tài chính		
Các khoản vay	4.775.392.420	59.496.217.767
Phải trả người bán và phải trả khác	2.420.535.960	4.985.769.632
Chi phí phải trả	59.671.511	150.000.000
Cộng	7.255.599.891	64.631.987.399

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

3.2. Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông/chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông/chủ sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

3.3. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro tài chính do thiếu thị trường mua bán các công cụ tài chính này.

3.3.1. Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

3.3.2. Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu và các phân tích dự báo thị trường.

3.3.3. Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

3.3.4 Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa nợ phải trả đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho nợ phải trả tài chính phi phái sinh và tài sản tài chính phi phái sinh trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo:

Khoản mục	Dưới 1 năm	Từ 1 năm - 5 năm	Tổng
NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH			
Số dư cuối năm			
Các khoản vay	-	4.775.392.420	4.775.392.420
Phải trả người bán và phải trả khác	2.420.535.960	-	2.420.535.960
Chi phí phải trả	59.671.511	-	59.671.511
Cộng	2.480.207.471	4.775.392.420	7.255.599.891
Số dư đầu năm			
Các khoản vay	59.496.217.767	-	59.496.217.767
Phải trả người bán và phải trả khác	4.985.769.632	-	4.985.769.632
Chi phí phải trả	150.000.000	-	150.000.000
Cộng	64.631.987.399	-	64.631.987.399
TÀI SẢN TÀI CHÍNH			
Số dư cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.645.253.744	-	1.645.253.744
Phải thu khách hàng và phải thu khác	100.733.423.485	-	100.733.423.485
Đầu tư ngắn hạn	86.000.000	-	86.000.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	1.347.869.455.688	1.347.869.455.688
Cộng	102.464.677.229	1.347.869.455.688	1.450.334.132.917
Số dư đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	390.255.460.387	-	390.255.460.387
Phải thu khách hàng và phải thu khác	264.873.300.427	69.500.000.000	334.373.300.427
Đầu tư ngắn hạn	9.610.311.000	-	9.610.311.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn	194.700.000.000	-	194.700.000.000
Đầu tư dài hạn	-	312.101.789.961	312.101.789.961
Cộng	859.439.071.814	381.601.789.961	1.241.040.861.775

4. Các khoản công nợ tiềm tàng

Công ty không có khoản công nợ tiềm tàng nào tính đến ngày 31/12/2016.

5. Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Sau ngày kết thúc năm tài chính 31/12/2016, từ ngày 01/03/2017 đến ngày 23/03/2017 Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam đã bán toàn bộ 4.010.230 cổ phiếu quỹ mà Công ty đang nắm giữ.

6. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội kiểm toán.



Vũ Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Ngày 08 tháng 04 năm 2017

Lê Khiếu Phương
Kế toán trưởng

Trương Văn Thịnh
Người lập biểu